

**QUY TẮC
BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN XE Ô TÔ**

(Ban hành theo Quyết định số 125/QĐ-PVIBH ngày 25 tháng 11 năm 2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI trên cơ sở chấp thuận của Bộ Tài chính theo công văn số 14569/BTC-QLBH ngày 22/11/2018 và công văn số 11885/BTC-QLBH ngày 01/11/2023)

Quy tắc Bảo hiểm tự nguyện xe Ô tô này (viết tắt là Quy tắc) quy định các điều khoản, điều kiện bảo hiểm tự nguyện xe Ô tô, là căn cứ pháp lý để giải quyết bồi thường khi có tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm xảy ra đối với xe tham gia bảo hiểm tại Bảo hiểm PVI.

Trên cơ sở Chủ xe / Bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm theo quy định của Tổng công ty Bảo hiểm PVI (sau đây gọi là Bảo hiểm PVI), Bảo hiểm PVI nhận bảo hiểm theo các điều kiện, điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

Nội dung Quy tắc này bao gồm:

- Quy định chung (Chương I).
- Bảo hiểm Thiệt hại vật chất Xe Ô tô (Chương II).
- Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự của Chủ xe đối với hàng hoá vận chuyển trên xe ô tô (Chương III).
- Bảo hiểm Tai nạn cho lái xe, phụ xe và người ngồi trên xe Ô tô (Chương IV).
- Bảo hiểm Tự nguyện Trách nhiệm dân sự của Chủ xe ô tô (Chương V)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Định nghĩa

1. **Xe ô tô** là loại phương tiện tham gia giao thông đường bộ hoạt động bằng động cơ, có từ bốn bánh trở lên (trừ các loại xe chạy trên đường ray) và được dùng để chở người và/hoặc hàng hóa, kéo các rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoặc thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt. Phân loại xe ô tô theo mục đích sử dụng như sau:
 - a. **Xe chở hàng:** bao gồm xe ô tô tải (hay còn gọi là xe tải), Rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, ô tô đầu kéo và các loại xe tương tự.
 - b. **Xe chở người:**
 - **Xe ô tô con** (hay còn gọi là xe con): Xe ô tô để chở người không quá 9 chỗ ngồi (bao gồm lái xe) được xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
 - **Ô tô khách** (hay còn gọi là xe khách): Xe ô tô để chở người lớn hơn 9 chỗ ngồi (bao gồm lái xe) được xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- **Xe buýt:** Xe ô tô khách có số chỗ ngồi ít hơn số chỗ đứng hoặc là xe ô tô khách được sử dụng vào mục đích vận tải hành khách công cộng.
 - c. **Xe vừa chở người vừa chở hàng:** Bao gồm xe bán tải (xe pickup), xe tải Van – ô tô thùng kín có khoang chở hàng liền khối với khoang người ngồi có bố trí cửa xếp dỡ hàng hoặc các loại xe vừa chở người vừa chở hàng khác theo quy định của pháp luật
 - d. **Xe ô tô chuyên dùng:** Ô tô có kết cấu và trang bị các thiết bị chuyên dùng để thực hiện một chức năng, công dụng riêng biệt, bao gồm: ô tô quét đường, ô tô hút chất thải, ô tô trộn vữa, ô tô trộn bê tông, ô tô bơm bê tông, ô tô cần cẩu, ô tô thang, ô tô khoan, ô tô cứu hộ giao thông, ô tô truyền hình lưu động, ô tô kiểm tra và bảo dưỡng cầu, ô tô kiểm tra cáp điện ngầm, ô tô chụp X-Quang, ô tô phẫu thuật lưu động, ô tô cứu thương, ô tô vận chuyển tiền, xe chuyên sử dụng cho tang lễ...
 - e. **Thiết bị chuyên dùng:** Thiết bị được gắn trên xe ô tô / rơ moóc chuyên dùng để thực hiện chức năng công dụng riêng biệt.
 - f. **Ô tô điện:** Xe ô tô chạy bằng một hoặc nhiều động cơ điện sử dụng 100% năng lượng được lưu trữ trong bộ pin điện động cơ và bộ pin điện động cơ là nguồn năng lượng duy nhất để xe ô tô hoạt động.
 - g. **Bộ pin điện động cơ:** Được sử dụng lưu trữ năng lượng điện cung cấp cho động cơ điện để ô tô điện hoạt động, có thể sạc nhiều lần từ các nguồn điện bên ngoài.
 - h. **Ô tô lai sạc điện:** Xe ô tô sử dụng đồng thời động cơ đốt trong truyền thống kết hợp với một động cơ điện. Xe ô tô lai sạc điện ít sử dụng xăng, dầu hơn do được bổ sung nguồn chạy điện.
 - i. **Xe điện:** Xe gắn động cơ điện, có hai trục và ít nhất bốn bánh, có kết cấu để chở người (tối đa không quá 15 chỗ gồm cả lái xe), vận tốc thiết kế lớn nhất không vượt quá 30km/h, tham gia giao thông chỉ trong phạm vi hạn chế hoặc không tham gia giao thông (chỉ hoạt động trên đường chuyên dùng trong khu vực nội bộ).
 - j. **Xe máy chuyên dùng:** Bao gồm máy kéo, xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích an ninh, quốc phòng...
2. **Chủ xe** là cá nhân, tổ chức sở hữu xe Ô tô (bao gồm cả trường hợp đã có Hợp đồng mua bán xe nhưng chưa làm thủ tục chuyển đổi đăng ký theo quy định) hoặc cá nhân, tổ chức được giao chiếm hữu, sử dụng xe Ô tô hợp pháp theo quy định của pháp luật.
 3. **Bên mua bảo hiểm** là cá nhân, tổ chức giao kết hợp đồng bảo hiểm với Bảo hiểm PVI và đóng phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể là Chủ xe hoặc không phải là Chủ xe.
 4. **Người được bảo hiểm** là Chủ xe và/hoặc người ngồi trên xe có tính mạng, tài sản được bảo hiểm.
 5. **Lái xe** là người điều khiển Xe và/hoặc người vận hành thiết bị chuyên dùng trên xe được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất.
 6. **Xe đang hoạt động** là trạng thái động cơ của xe đang được vận hành (nổ máy, động cơ điện đang hoạt động) và/hoặc có sự điều khiển của Lái xe (bao gồm xe đang di chuyển, dừng đỗ xe hoặc vận hành động cơ để hỗ trợ thiết bị chuyên dùng trên xe hoạt động).
 7. **Thời gian sử dụng xe** là khoảng thời gian tính từ năm sản xuất / năm đăng ký đến năm tham gia bảo hiểm, được quy định cụ thể như sau:

- Trường hợp (năm đăng ký) – (năm sản xuất) ≤ 2 : thời gian sử dụng xe được tính theo năm đăng ký.
 - Trường hợp (năm đăng ký) – (năm sản xuất) > 2 : thời gian sử dụng xe được tính theo năm sản xuất.
8. **Phí bảo hiểm** là khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải trả cho Bảo hiểm PVI tại thời điểm Bảo hiểm PVI cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc theo thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
 9. **Giấy yêu cầu bảo hiểm (viết tắt là GYCBH)**: Là biểu mẫu của Bảo hiểm PVI được sử dụng để bên mua bảo hiểm ghi rõ các yêu cầu bảo hiểm, được lập bằng bản giấy hoặc bản điện tử trên website / ứng dụng bán hàng trực tuyến, nhằm thiết lập Bộ hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không ký vào GYCBH hoặc không gửi GYCBH đã ký cho Bảo hiểm PVI, nhưng đã nộp phí bảo hiểm thì được coi là Bên mua bảo hiểm đã đồng ý với thông tin ghi trên HDBH / GCNBH mà Bảo hiểm PVI đã cấp cho Chủ xe.
 10. **Giấy chứng nhận bảo hiểm (viết tắt là GCNBH)** là văn bản xác nhận trách nhiệm bảo hiểm của Bảo hiểm PVI với Người được bảo hiểm theo các phạm vi bảo hiểm, điều kiện, điều khoản được ghi trên GCNBH, được Bảo hiểm PVI cấp cho Chủ xe. Cùng với GYCBH và/hoặc phí bảo hiểm đã được nộp, GCNBH có thể được cấp bằng giấy hoặc bằng hình thức điện tử khác, là bằng chứng của việc ký kết hợp đồng bảo hiểm giữa Bên mua bảo hiểm và Bảo hiểm PVI, chịu sự điều chỉnh của Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Quy tắc này.
 11. **Sửa đổi bổ sung (viết tắt là SDBS)** là văn bản do Bảo hiểm PVI cấp cho Chủ xe, xác nhận các thay đổi về nội dung của GCNBH đã cấp trước đó trên cơ sở chấp thuận các yêu cầu điều chỉnh đơn bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm và là một bộ phận không tách rời của GCNBH.
 12. **Các Điều khoản bảo hiểm bổ sung** là các điều khoản mở rộng hoặc giảm bớt phạm vi bảo hiểm được quy định trong GCNBH do Bảo hiểm PVI cấp và/hoặc quy định trong HDBH.
 13. **Bản Hợp đồng bảo hiểm (viết tắt là HDBH)** là văn bản thỏa thuận do Bên mua bảo hiểm và Bảo hiểm PVI cùng ký kết. Mọi thay đổi liên quan đến nội dung của bản HDBH đã ký kết phải được các bên thỏa thuận và xác lập bằng bản Phụ lục hợp đồng đối với các thay đổi liên quan đến nội dung được ghi trên GCNBH. Theo đó, Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường cho Chủ xe khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm.
 14. **Bộ Hợp đồng bảo hiểm** phải được lập bằng văn bản, bao gồm GYCBH (nếu có), GCNBH, Quy tắc bảo hiểm, các Điều khoản bổ sung, (các) Sửa đổi bổ sung (nếu có), bản Hợp đồng bảo hiểm (nếu có), (các) Phụ lục hợp đồng (nếu có) và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có). Trong mọi trường hợp, Bên mua bảo hiểm đã ký giao kết HDBH thì không bắt buộc phải có GYCBH. Bảo hiểm PVI cung cấp Quy tắc bảo hiểm, các Điều khoản bổ sung trực tiếp hoặc đăng tải các tài liệu liên quan trên website của Bảo hiểm PVI.
 15. **Giá thị trường** là giá mua bán trung bình của chiếc xe tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất (maker), cùng mẫu xe (model) được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm cần xác định.
 16. **Giá trị bảo hiểm** là giá trị thực tế của xe do Bên mua bảo hiểm thỏa thuận với Bảo hiểm PVI và phù hợp với giá thị trường tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

17. **Số tiền bảo hiểm (viết tắt là STBH)** là số tiền mà Bên mua bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm và được ghi trên HĐBH / GCNBH nhưng không cao hơn Giá trị bảo hiểm.
18. **Bảo hiểm dưới giá trị** là việc Bên mua bảo hiểm tham gia bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm thấp hơn Giá trị bảo hiểm.
19. **Mức khấu trừ** (còn gọi là **Mức miễn thường có khấu trừ**) là số tiền mà Người được bảo hiểm sẽ phải tự chịu đối với mỗi vụ tổn thất có thể được bồi thường theo HĐBH / GCNBH. Mức khấu trừ quy định trên HĐBH / GCNBH sẽ được trừ vào số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
20. **Cơ sở sửa chữa chính hãng** là (các) cơ sở sửa chữa, showroom của công ty / chi nhánh, đại lý bán / phân phối xe được hãng sản xuất xe / nhà phân phối xe ủy quyền hợp pháp thực hiện dịch vụ sửa chữa và cung cấp các loại phụ tùng chính hãng.
21. **Những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm** bao gồm số tiền bảo hiểm, mục đích sử dụng xe, kết cấu xe, thiết bị / phụ kiện lắp thêm ...

Điều 2: Hiệu lực bảo hiểm

- 2.1 Hiệu lực bảo hiểm là thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn bảo hiểm được ghi trên HĐBH / GCNBH. Trách nhiệm bồi thường của Bảo hiểm PVI chỉ phát sinh sau khi Bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ ngay khi nhận GCNBH (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản).
- 2.2 Trong thời hạn bảo hiểm ghi trên GCNBH, nếu Chủ xe chuyển quyền sở hữu xe hợp lệ theo quy định của pháp luật:
 - a. Trường hợp Chủ xe cũ chuyển quyền sở hữu xe kèm theo GCNBH, mọi quyền lợi liên quan đến xe được bảo hiểm sẽ có hiệu lực đối với Chủ xe mới. Chủ xe mới cần thông báo bằng văn bản (kèm theo các tài liệu chứng minh quyền sở hữu xe) cho Bảo hiểm PVI trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất thủ tục sang tên (ngày lập giấy hẹn lấy Đăng ký xe) theo quy định pháp luật để Bảo hiểm PVI cấp đổi GCNBH, đảm bảo quyền lợi bảo hiểm.
 - b. Trường hợp Chủ xe cũ không chuyển quyền lợi bảo hiểm cho Chủ xe mới, GCNBH sẽ chấm dứt hiệu lực từ thời điểm xe được chuyển quyền sở hữu (thời điểm này được xác định trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu do Chủ xe cũ cung cấp). Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại phí cho Chủ xe cũ theo quy định tại Điều 3, thời gian làm căn cứ tính phí hoàn lại được xác định từ thời điểm Bảo hiểm PVI nhận được yêu cầu hoàn phí bảo hiểm bằng văn bản.

Điều 3: Chấm dứt và Khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm

- 3.1. Hiệu lực HĐBH / GCNBH bị chấm dứt do không đóng đủ phí bảo hiểm:

HĐBH / GCNBH chấm dứt hiệu lực trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm trong thời hạn được quy định tại HĐBH / GCNBH và Bảo hiểm PVI không có thỏa thuận cho Bên mua bảo hiểm nợ phí phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo quy định, HĐBH / GCNBH tự động bị chấm dứt hiệu lực vào ngày kế tiếp ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán phí bảo hiểm và Bảo hiểm PVI không phải gửi bất cứ thông báo nào đến Bên mua bảo hiểm / Chủ xe / Người đại diện hợp pháp của Chủ xe về việc chấm dứt bảo hiểm này. Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số

phí bảo hiểm chưa thanh toán tương ứng với thời gian xe đã được bảo hiểm tính đến thời điểm chấm dứt bảo hiểm.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày HĐBH chấm dứt hiệu lực, Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm phần phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) trừ trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời gian HĐBH / GCNBH có hiệu lực hoặc yêu cầu Bên mua bảo hiểm đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

3.2. Đơn phương chấm dứt hiệu lực HĐBH / GCNBH trước thời hạn:

- Trong thời hạn bảo hiểm, trừ trường hợp HĐBH / GCNBH tự động chấm dứt do Bên mua bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hiệu lực HĐBH / GCNBH theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia trước thời điểm dự kiến chấm dứt tối thiểu 5 ngày làm việc.
- Trường hợp Chủ xe đơn phương chấm dứt hiệu lực HĐBH / GCNBH trước thời hạn, Chủ xe phải thông báo bằng văn bản cho Bảo hiểm PVI. HĐBH / GCNBH chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm Bảo hiểm PVI nhận được thông báo hủy bỏ HĐBH / GCNBH. Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại cho Chủ xe 70% phí bảo hiểm của thời gian hủy bỏ với điều kiện Bên mua bảo hiểm đã thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn. Bảo hiểm PVI không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm trước thời điểm chấm dứt hiệu lực HĐBH / GCNBH hoặc đã phát sinh trách nhiệm bồi thường bảo hiểm.
- Trường hợp Bảo hiểm PVI đơn phương chấm dứt hiệu lực HĐBH / GCNBH, Bảo hiểm PVI phải thông báo bằng văn bản cho Chủ xe. Bảo hiểm PVI sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm 100% phí bảo hiểm của thời gian hủy bỏ với điều kiện Bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm đầy đủ.
- Bên mua bảo hiểm phải hoàn thiện các biểu mẫu, thủ tục hủy đơn bảo hiểm theo hướng dẫn của Bảo hiểm PVI, hoàn trả lại HĐBH / GCNBH và các tài liệu kèm theo trước khi Bảo hiểm PVI hoàn trả phí bảo hiểm (trừ trường hợp Bảo hiểm PVI không yêu cầu Chủ xe phải hoàn trả các tài liệu trên).

3.3. Khôi phục hiệu lực HĐBH / GCNBH

Đối với trường hợp HĐBH / GCNBH tự động chấm dứt trong trường hợp nêu tại mục 3.1 trên đây, HĐBH / GCNBH sẽ được khôi phục hiệu lực kể từ thời điểm Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ phí bảo hiểm và được Bảo hiểm PVI chấp thuận bằng văn bản, tùy theo thời điểm nào đến sau. Bảo hiểm PVI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh trong khoảng thời gian từ thời điểm HĐBH / GCNBH chấm dứt hiệu lực đến thời điểm HĐBH / GCNBH được khôi phục hiệu lực.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Chủ xe / Bên mua bảo hiểm

4.1. Chủ xe / Bên mua bảo hiểm có quyền:

- a. Lựa chọn tham gia thêm các điều khoản bổ sung để mở rộng và hoặc thu hẹp phạm vi bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm tự nguyện xe Ô tô theo thỏa thuận với Bảo hiểm PVI;
- b. Yêu cầu Bảo hiểm PVI giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, cấp GCNBH / ký kết HĐBH;
- c. Yêu cầu Bảo hiểm PVI trả tiền bảo hiểm cho Người thụ hưởng bảo hiểm hoặc bồi thường cho Người được bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH hoặc theo văn bản

chuyển quyền thụ hưởng liên quan (nếu có) khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

- d. Chuyển nhượng quyền sở hữu xe kèm theo quyền lợi bảo hiểm còn hiệu lực cho Chủ xe mới hoặc yêu cầu chấm dứt HĐBH / GCNBH theo quy định tại Quy tắc này và quy định của pháp luật;
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Chủ xe / Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ:

- a. Khi yêu cầu bảo hiểm, phải đọc và yêu cầu Bảo hiểm PVI giải thích (nếu cần) để hiểu rõ Quy tắc bảo hiểm tự nguyện Xe Ô tô của Bảo hiểm PVI và phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong GYCBH theo mẫu của Bảo hiểm PVI và/hoặc cung cấp đầy đủ thông tin về xe được quy định trong HĐBH / GCNBH.
- b. Tạo điều kiện thuận lợi để Bảo hiểm PVI xem xét, đánh giá tình trạng xe trước khi cấp GCNBH.
- c. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ ngay khi nhận GCNBH hoặc theo đúng thời hạn được quy định trong HĐBH.
- d. Trong thời hạn bảo hiểm, nếu có sự thay đổi các thông tin liên quan đến HĐBH / GCNBH và những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, Chủ xe phải thông báo cho Bảo hiểm PVI trong vòng 15 ngày kể từ khi có sự thay đổi những yếu tố đó (ví dụ: thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động...):

- i. Trường hợp có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm: Chủ xe có quyền yêu cầu Bảo hiểm PVI giảm phí cho thời gian bảo hiểm còn lại của HĐBH / GCNBH. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của Chủ xe, Bảo hiểm PVI phải xem xét, giải quyết theo yêu cầu.

Trong trường hợp Bảo hiểm PVI không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì Chủ xe có quyền đơn phương chấm dứt HĐBH / GCNBH theo quy định tại Khoản 3.2 Điều 3 của Quy tắc này.

- ii. Trường hợp có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm: Bảo hiểm PVI có quyền tính lại phí bảo hiểm hoặc không chấp thuận bảo hiểm khi rủi ro tăng lên cho thời gian bảo hiểm còn lại của HĐBH / GCNBH kể từ thời điểm có sự thay đổi.

Trong trường hợp Chủ xe không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì Bảo hiểm PVI có quyền đơn phương chấm dứt hiệu lực HĐBH / GCNBH theo quy định tại Khoản 3.2 Điều 3 của Quy tắc này.

- e. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông, Luật Giao thông đường bộ.
- f. Khi xảy ra tổn thất, Chủ xe / Lái xe có trách nhiệm:
 - i. Thông báo ngay cho Bảo hiểm PVI theo số điện thoại đường dây nóng (Hotline) ghi trên GCNBH, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường vụ tai nạn; đồng thời thông báo cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng và/hoặc được Bảo hiểm PVI chấp thuận không thông báo cho cơ quan công an / chính quyền địa phương).
 - ii. Không được di chuyển xe làm mất hiện trường vụ tai nạn, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo hiểm PVI, trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- iii. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), Chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản cho Bảo hiểm PVI (văn bản có thể là bản giấy có chữ ký của Chủ xe hoặc bản khai điện tử có chữ ký điện tử của chủ xe).
- iv. Cung cấp các tài liệu trong Hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 của Quy tắc này.
- g. Phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và phối hợp, tạo điều kiện để Bảo hiểm PVI xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
- h. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, Chủ xe phải thực hiện các nghĩa vụ đúng theo các hướng dẫn của Bảo hiểm PVI nhằm bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Bảo hiểm PVI kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Bảo hiểm PVI để đòi Người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được Bảo hiểm PVI bồi thường. Trong mọi trường hợp, Chủ xe không được tự ý thỏa thuận bồi thường với bên thứ ba khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo hiểm PVI.
- i. Đối với các bộ phận của xe bị hư hại phải thay thế và được Bảo hiểm PVI chấp thuận bồi thường, sau khi thực hiện xong công việc thay thế Chủ xe / Đại diện Chủ xe phải có trách nhiệm bàn giao bộ phận bị hư hại đã được thay thế cho Bảo hiểm PVI.
- j. Trường hợp xe Ô tô bị mất trộm toàn bộ xe, bị cướp toàn bộ xe hoặc bị mất do thiên tai, Chủ xe / Đại diện chủ xe phải thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc và trong vòng 24 giờ phải thông báo cho Bảo hiểm PVI, đồng thời thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan công an và Bảo hiểm PVI để cùng phối hợp giải quyết.
- k. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bảo hiểm PVI

5.1. Bảo hiểm PVI có quyền:

- a. Có quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận bán bảo hiểm tự nguyện xe Ô tô cho Bên mua bảo hiểm;
- b. Thu phí bảo hiểm đầy đủ ngay khi cấp GCNBH hoặc theo thoả thuận trong HDBH;
- c. Yêu cầu Bên mua bảo hiểm / Chủ xe / Lái xe cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện HDBH, các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường.
- d. Từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường cho Chủ xe trong trường hợp tổn thất không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, loại trừ trách nhiệm bảo hiểm hoặc giảm trừ bồi thường theo thoả thuận trong HDBH và Quy tắc này;
- e. Yêu cầu Chủ xe / Lái xe áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Quy tắc này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- f. Yêu cầu Người thứ ba bồi hoàn số tiền mà Bảo hiểm PVI đã / sẽ phải bồi thường cho Người được bảo hiểm do lỗi của Người thứ ba gây ra đối với chiếc xe ô tô được bảo hiểm;
- g. Đơn phương chấm dứt HDBH / GCNBH khi Bên mua bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm;
- h. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Bảo hiểm PVI có nghĩa vụ:

- a. Giải thích cho Chủ xe / Bên mua bảo hiểm về Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm, quyền lợi và trách nhiệm của Chủ xe / Bên mua bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm;
- b. Cấp cho Bên mua bảo hiểm GCNBH, Quy tắc bảo hiểm, các ĐKBS (nếu có) hoặc HDBH sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;
- c. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ và không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp Bảo hiểm PVI phải tiến hành xác minh hồ sơ sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường.

Trong trường hợp Bảo hiểm PVI không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày Bảo hiểm PVI có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì Bảo hiểm PVI sẽ chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được.

- d. Trường hợp từ chối bồi thường, Bảo hiểm PVI sẽ giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bảo hiểm PVI nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ.
- e. Phối hợp chặt chẽ với Chủ xe và cơ quan chức năng để giải quyết yêu cầu bồi thường đối với những thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- f. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Chủ xe, Bảo hiểm PVI sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm, Bảo hiểm PVI có thể tạm ứng một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.
- g. Bảo hiểm PVI có trách nhiệm hướng dẫn Chủ xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 Quy tắc này.
- h. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ xe / Bên mua bảo hiểm về sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, Bảo hiểm PVI sẽ đánh giá lại rủi ro, xác định lại phí bảo hiểm và hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của hợp đồng bảo hiểm hoặc từ chối nhận bảo hiểm đối với rủi ro tăng thêm.
- i. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Giám định tổn thất

- 6.1. Khi xảy ra tổn thất / tai nạn, mọi tổn thất hay thiệt hại về tài sản sẽ được Bảo hiểm PVI tiến hành giám định trực tiếp với sự có mặt của Chủ xe / Lái xe hoặc người đại diện hợp pháp của Chủ xe / các bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do tai nạn gây ra. Kết quả giám định được lập thành văn bản có chữ ký của các bên tham gia giám định. Chi phí giám định tổn thất do Bảo hiểm PVI chịu.
- 6.2. Trường hợp Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do Bảo hiểm PVI xác định, hai bên sẽ thỏa thuận chọn một đơn vị giám định độc lập thực hiện việc giám định. Trường hợp Bảo hiểm PVI và Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe không thỏa thuận được việc chọn đơn vị giám định độc lập thì một trong hai bên được quyền yêu cầu Tòa án nơi xảy ra tổn thất

hoặc nơi cư trú / trụ sở của Chủ xe trung cầu đơn vị giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của đơn vị giám định do Tòa án chỉ định có giá trị bắt buộc đối với các bên.

- 6.3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập hoặc của đơn vị giám định do Tòa án chỉ định khác với kết luận giám định của Bảo hiểm PVI, Bảo hiểm PVI phải trả chi phí giám định. Trường hợp kết luận của giám định độc lập hoặc của đơn vị giám định do Tòa án chỉ định trùng với kết luận giám định của Bảo hiểm PVI, Chủ xe phải trả chi phí giám định.
- 6.4. Trong trường hợp đặc biệt, đối với những tổn thất mà Bảo hiểm PVI không có điều kiện thực hiện giám định trực tiếp hoặc không có biên bản tai nạn của cơ quan công an, thì Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe phải thu thập và cung cấp cho Bảo hiểm PVI đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, bản ảnh chụp thiệt hại và các tài liệu liên quan làm căn cứ xác định bồi thường theo hướng dẫn của Bảo hiểm PVI.

Điều 7: Hồ sơ yêu cầu bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể, hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Tài liệu do Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe cung cấp:
 - a. Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (theo mẫu do Bảo hiểm PVI cung cấp).
 - b. Tài liệu liên quan đến xe, lái xe (bản sao có xác nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bản sao có xác nhận của nhân viên Bảo hiểm PVI sau khi đã đối chiếu với bản gốc hoặc bản gốc để nhân viên Bảo hiểm PVI kiểm tra và sao chụp trực tiếp) như sau:
 - GCNBH và/hoặc HDBH và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
 - Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ và còn hiệu lực của người điều khiển xe bị tổn thất;
 - Các giấy tờ liên quan đến mua, bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có);
 - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ và còn hiệu lực hoặc các giấy tờ tương đương theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam) (Ví dụ: xe lưu hành tạm thời có Giấy đăng ký lưu hành tạm thời của cơ quan chức năng có thẩm quyền...).
 - c. Tài liệu chứng minh thiệt hại bao gồm:
 - i. Đối với thiệt hại về tài sản:
 - Các hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc thuê cầu kéo (nếu có), sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại (nếu sửa chữa tại các cơ sở sửa chữa xe không thuộc hệ thống bảo lãnh của Bảo hiểm PVI), chứng từ xác định giá trị tài sản (nếu cần). Biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc mất trộm, mất cắp, bị cướp hoặc mất tích xe;
 - Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Lái xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của Bảo hiểm PVI.
 - ii. Đối với thiệt hại về hàng hoá:

Các chứng từ xác định nguồn gốc, giá trị hàng hoá như: hợp đồng vận chuyển, hoá đơn, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận hàng hoá ghi rõ khối lượng và số lượng hàng hoá, biên bản xác định tổn thất giữa chủ hàng và Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Người thụ hưởng hợp pháp.

iii. Đối với thiệt hại về người:

Các chứng từ y tế xác định tình trạng thương tích của nạn nhân như: Giấy ra viện, bệnh án, giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật, giấy chứng tử, chứng từ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp (trường hợp Người được bảo hiểm chết). Giấy uỷ quyền hợp pháp trong trường hợp uỷ quyền.

- d. Biên bản thỏa thuận/ hòa giải (trong trường hợp hòa giải).
 - e. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có).
 - f. Các tài liệu cần thiết (phán quyết của Tòa án, biên bản, tài liệu xác định trách nhiệm của Người thứ ba) để chuyển quyền cho Bảo hiểm PVI đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà Chủ xe đã hoặc sẽ được Bảo hiểm PVI giải quyết bồi thường cho thiệt hại này (trong trường hợp đòi Người thứ ba).
2. Tài liệu do Bảo hiểm PVI phối hợp và/hoặc hướng dẫn Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe thu thập:
- a. Bản sao hợp lệ bộ hồ sơ có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:
 - Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);
 - Sơ đồ hiện trường tai nạn (nếu có);
 - Bản ảnh hiện trường tai nạn và các tài sản liên quan (nếu có);
 - Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);
 - Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
 - Biên bản giải quyết tai nạn giao thông (nếu có);
 - Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);
 - Biên bản thỏa thuận/ hòa giải (trong trường hợp hòa giải).
 - b. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba (nếu có).
 - c. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.
3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).
4. Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe có trách nhiệm cung cấp:
- a. Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an. Trường hợp đồng thời mất cả giấy tờ / tài liệu liên quan đến Xe do để cùng trên Xe bị mất trộm, mất cướp phải khai báo rõ nội dung này trong Đơn trình báo và có xác nhận của cơ quan công an.
 - b. Quyết định khởi tố vụ án hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp xe ô tô được bảo hiểm;
 - c. Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp xe ô tô được bảo hiểm.

Điều 8: Bảo hiểm trùng

Bảo hiểm trùng là trường hợp cùng một đối tượng bảo hiểm được bảo hiểm cùng

phạm vi bảo hiểm theo hai HĐBH / GCNBH trở lên với tổng số tiền bảo hiểm của các HĐBH / GCNBH lớn hơn giá trị thực tế của đối tượng bảo hiểm tại thời điểm tham gia bảo hiểm gần nhất. Việc giải quyết bồi thường đối với trường hợp bảo hiểm trùng sẽ thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Đối với những phạm vi bảo hiểm được cấp trùng của các HĐBH / GCNBH, Bảo hiểm PVI chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm của HĐBH / GCNBH cấp bởi / ký kết với Bảo hiểm PVI trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các HĐBH / GCNBH mà Chủ xe / Bên mua bảo hiểm đã tham gia bảo hiểm và đang còn hiệu lực tại thời điểm xảy ra tổn thất.
2. Đối với những phạm vi bảo hiểm không trùng nhau của các HĐBH / GCNBH (nếu có), Bảo hiểm PVI sẽ giải quyết bồi thường độc lập theo HĐBH / GCNBH đã ký kết.

Điều 9: Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

- 9.1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm, trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan hoặc bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
- 9.2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của Bảo hiểm PVI là 90 ngày kể từ ngày Chủ xe nhận được thông báo bồi thường của Bảo hiểm PVI trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan hoặc bất khả kháng theo quy định của pháp luật. Quá thời hạn này, Bảo hiểm PVI sẽ không giải quyết khiếu nại.
- 9.3. Thời hiệu khởi kiện về việc giải quyết khiếu nại bảo hiểm của Bảo hiểm PVI là 03 (ba) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp từ hợp đồng bảo hiểm.
- 9.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ HĐBH / GCNBH, nếu Bảo hiểm PVI và Chủ xe/ Đại diện hợp pháp của Chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng, sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.

Điều 10: Điều khoản bổ sung

Ngoài các quy định tại Quy tắc bảo hiểm này, Bảo hiểm PVI sẽ đưa ra thêm các điều khoản bổ sung để Chủ xe / Bên mua bảo hiểm lựa chọn. Các điều khoản bổ sung chỉ có hiệu lực khi Chủ xe / Bên mua bảo hiểm có yêu cầu và đã đóng phụ phí bảo hiểm bổ sung và được Bảo hiểm PVI chấp nhận bảo hiểm.

Điều 11: Những điểm loại trừ chung (áp dụng cho Chương II, Chương III, Chương V)

Trừ một số trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu tham gia mở rộng phạm vi bảo hiểm theo điều khoản bảo hiểm bổ sung và được Bảo hiểm PVI chấp thuận, phí bảo hiểm bổ sung đã được đóng đầy đủ, đúng hạn. Bảo hiểm PVI không bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác, sử dụng xe.
2. Tại thời điểm xảy ra tổn thất, xe đang hoạt động nhưng không có Giấy chứng nhận kiểm định An toàn kỹ thuật và Bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (gọi tắt là Đăng kiểm) hợp lệ hoặc Đăng kiểm không còn hiệu lực, không phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành (trừ các trường hợp mất hiệu lực đăng kiểm do: i. Thay đổi thông số lốp và/hoặc đường kính la-zăng của xe với điều kiện các thông số này phù hợp với thông số kỹ thuật theo khuyến cáo của nhà sản xuất; ii. Lắp thêm các thiết bị như bảo vệ cản trước / cản sau, giá đỡ hàng trên nóc

xe, tời, móc kéo xe; iii. Lắp thêm ghế trên xe với điều kiện khi xảy ra tổn thất xe không được chở quá số người quy định).

3. Tại thời điểm xảy ra tổn thất khi xe đang hoạt động, Lái xe không có Giấy phép lái xe (viết tắt là GPLX, bao gồm Giấy phép lái xe ô tô, Bằng hoặc Chứng chỉ nghề điều khiển thiết bị chuyên dùng) hoặc GPLX không hợp lệ, không phù hợp đối với loại xe Ô tô / thiết bị chuyên dùng bắt buộc phải có GPLX tương ứng với loại xe / loại thiết bị. Trường hợp Lái xe bị tước quyền sử dụng GPLX có thời hạn hoặc không thời hạn, bị mất GPLX (không áp dụng trong trường hợp GPLX bị mất trong cùng vụ tai nạn có xác nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền; GPLX bị mất trước tai nạn, Lái xe đã trình báo cơ quan có thẩm quyền và đang làm thủ tục cấp lại nhưng chưa được cấp lại kèm theo hồ sơ gốc GPLX), bị tạm giữ GPLX mà quá lịch hẹn của cơ quan công an nhưng chưa đến để giải quyết thì được coi là không có GPLX. Điểm loại trừ này không áp dụng trong trường hợp Lái xe gây tai nạn là học viên đang thực hành tập lái, sát hạch tay lái với điều kiện học viên / giáo viên / phương tiện đào tạo, sát hạch phải đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
4. Tại thời điểm xảy ra tổn thất khi xe đang hoạt động, Lái xe điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở (tương đương 10.9 mmol/L); hoặc sử dụng các chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
5. Xe bị tổn thất khi Lái xe điều khiển xe đi vào đường có gắn biển cấm / khu vực cấm, đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, lùi xe tại các nơi cấm lùi, rẽ hoặc quay đầu tại nơi có biển cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định của pháp luật.
6. Xe dừng, đỗ tại khu vực cấm dừng, cấm đỗ theo quy định của pháp luật và bị thiệt hại (do mọi nguyên nhân).
7. Xe sử dụng để đua xe (hợp pháp hoặc trái phép), xe được dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.
8. Xe chờ hàng trái phép theo quy định của pháp luật hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa (bao gồm các trường hợp xe bị tổn thất do chính hàng hóa chở trên xe bị xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển gây ra mà không phải do xe bị đâm, va, lật, đổ do tai nạn).
9. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.
10. Tổn thất do chiến tranh, khủng bố.

Chương II

BẢO HIỂM THIẾT HẠI VẬT CHẤT XE Ô TÔ

Điều 12: Phạm vi bảo hiểm

- 12.1. Trừ những trường hợp Xe bị tổn thất thuộc những điểm loại trừ quy định tại Điều 11 và Điều 13 Quy tắc này, Bảo hiểm PVI chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ xe / Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:
 - a. Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;

- b. Hòa hoãn, cháy, nổ;
 - c. Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên (Bao gồm nhưng không giới hạn bão, lũ, lụt, sét đánh, giông tố, động đất, sạt lở, sóng thần....);
 - d. Mất toàn bộ xe do trộm, cướp;
 - e. Hành vi ác ý, cố tình phá hoại nhưng loại trừ hành vi ác ý, cố tình phá hoại của Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe.
- 12.2. Ngoài số tiền bồi thường, Bảo hiểm PVI còn thanh toán cho Chủ xe / Người thụ hưởng những chi phí cần thiết và hợp lý mà Chủ xe đã chi ra để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của Bảo hiểm PVI khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm:
- a. Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất có thể phát sinh thêm (bao gồm chi phí bảo vệ hiện trường...);
 - b. Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất hoặc theo hướng dẫn của Bảo hiểm PVI, tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm.

Điều 13: Những điểm loại trừ riêng bảo hiểm thiệt hại vật chất xe Ô tô

Trừ một số trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu tham gia mở rộng phạm vi bảo hiểm theo điều khoản bảo hiểm bổ sung và được Bảo hiểm PVI chấp thuận, phí bảo hiểm bổ sung đã được đóng đầy đủ, đúng hạn. Bảo hiểm PVI không bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

1. Những vụ tổn thất thuộc điểm loại trừ chung quy định tại Điều 11 Quy tắc này.
2. Tổn thất do hao mòn, hư hỏng tự nhiên phát sinh trong quá trình hoạt động của xe, hoặc do bản chất vốn có của xe ô tô, hỏng hóc do lỗi kỹ thuật, khuyết tật, ẩn tỳ của xe hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, thiệt hại trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử). Các thiệt hại gián tiếp như giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác xe.
3. Hư hỏng động cơ do xe hoạt động trong vùng / đường đang bị ngập nước hoặc do nước lọt vào động cơ gây nên hiện tượng thủy kích đối với động cơ đốt trong hoặc gây hư hỏng động cơ điện của xe ô tô điện (trừ trường hợp xe đang hoạt động bị tai nạn bất ngờ đắm xuống ao, hồ, sông, suối... dẫn đến hư hỏng động cơ).
4. Tổn thất xe ô tô điện, xe ô tô lai sạc điện:
 - do bộ pin điện động cơ gây ra trong mọi trường hợp;
 - do sử dụng các thiết bị không đồng bộ, không tương thích theo quy định của nhà sản xuất;
 - do thao tác của Chủ xe / Lái xe / Nhân viên kỹ thuật không tuân thủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của Nhà sản xuất trong quá trình sử dụng, kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế, lắp ráp.
5. Hư hỏng về động cơ điện, bộ pin điện động cơ hoặc các bộ phận máy móc, thiết bị điện (kể cả hệ thống âm thanh, điều hòa) do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện hoặc do bất kỳ nguyên nhân nào không phải do các nguyên nhân thuộc phạm vi bảo hiểm gây ra.
6. Tổn thất đối với sầm, lốp, bạt thùng xe, logo biểu tượng, tem chữ, nhãn mác, biểu tượng của nhà sản xuất, ốp chụp la-zăng, chìa khóa cơ / chìa khóa điện / điều

khiến điện của xe, tấm lót gầm, trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.

7. Thiệt hại bộ pin điện động cơ của xe ô tô điện trong mọi trường hợp trừ khi bộ pin điện động cơ đã được bảo hiểm và thiệt hại của bộ pin điện động cơ xảy ra cùng nguyên nhân và đồng thời với thiệt hại các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.
8. Mất các bộ phận của xe trong mọi trường hợp (trừ trường hợp xác định được bộ phận bị mất đã bị tổn thất do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn).
9. Mất toàn bộ xe trong trường hợp bị lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê, cho mượn, siết nợ hoặc tranh chấp).
10. Xe chở quá trọng tải hoặc quá số lượng người (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi) từ trên 50% trở lên theo quy định ghi trên Đăng kiểm của xe.
11. Tổn thất về xe và/hoặc các thiết bị chuyên dùng trên xe do hoạt động của chính các thiết bị chuyên dùng trên xe đó gây ra (bao gồm: hư hỏng, tổn thất cho xe và/hoặc hệ thống hệ thống cần bơm / thiết bị bơm bê tông khi xe dùng để bơm bê tông, hệ thống cầu khi xe dùng, đổ đổ cầu; hệ thống thùng - ụ ben / ty ben trên xe tải ben khi đang nâng hạ ben bao gồm trường hợp xe vừa nâng hạ ben vừa di chuyển; hoặc các thiết bị chuyên dùng khác lắp đặt trên xe tùy theo mục đích sử dụng của xe. Trường hợp thiết bị chuyên dùng gắn trên romooc được kéo bởi xe đầu kéo thì được coi là thiết bị chuyên dùng của chính xe đầu kéo đó).
12. Tổn thất các thiết bị, phụ kiện lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe như bảo vệ cản trước, bảo vệ cản sau, hệ thống báo động) và/hoặc xe bị tổn thất do độ / chế các thiết bị / phụ kiện lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật.
13. Những vụ tổn thất có số tiền thuộc trách nhiệm bảo hiểm bằng hoặc nhỏ hơn Mức khấu trừ (mức miễn thường có khấu trừ).
14. Xe chạy vượt quá 50% tốc độ cho phép theo quy định của pháp luật (có kết luận của cơ quan chức năng có thẩm quyền).

Điều 14: Nguyên tắc xác định số tiền bảo hiểm

- 14.1. Bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá thị trường của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm.
- 14.2. Bảo hiểm PVI xác định giá thị trường của xe tham gia bảo hiểm cụ thể như sau:
 - a. *Đối với xe mới 100%*: là giá bán xe do các hãng sản xuất, lắp ráp trong nước công bố tại thị trường Việt Nam hoặc giá bán xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
 - b. *Đối với xe đã qua sử dụng*: là giá mua bán trung bình trên thị trường của xe tương tự cùng chủng loại (cùng hãng sản xuất, mẫu xe, thông số kỹ thuật, năm sản xuất).

Điều 15: Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

- 15.1. Bồi thường tổn thất bộ phận:
 - a. Bảo hiểm PVI chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để:

- i. Sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận bị tổn thất hoặc trả bằng tiền cho Chủ xe để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có) đồng thời thu hồi lại bộ phận hư hỏng được thay thế.
 - ii. Thực hiện giám định tổn thất và/hoặc thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của Bảo hiểm PVI khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm) trong trường hợp Chủ xe đã chỉ ra để thực hiện các công việc nói trên (các chi phí thuộc phạm vi bảo hiểm tại Khoản 12.2 Điều 12 Quy tắc này).
- b. Cách xác định số tiền bồi thường:
- i. Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa Số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm.
 - ii. Trường hợp xe được bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất. Bảo hiểm PVI chỉ chấp nhận thay thế mới đối với những hạng mục bị tổn thất không thể khắc phục được hoặc chi phí khắc phục vượt quá 50% giá trị thay mới của hạng mục đó.
- c. Trường hợp chấp nhận thay mới các hạng mục bị tổn thất, Bảo hiểm PVI xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới được tính bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao (trừ trường hợp có thỏa thuận bảo hiểm bổ sung bồi thường không áp dụng khấu hao thay mới), cụ thể như sau:
- i. Đối với các trường hợp xe không tham gia Điều khoản bảo hiểm bổ sung không tính khấu hao phụ tùng, vật tư thay mới, Bảo hiểm PVI sẽ áp dụng Bảng tỷ lệ khấu hao sau:

Thời gian sử dụng	Tỷ lệ khấu hao			
	Xe không KD		Xe KDVT	
	Vật tư, phụ tùng	Bộ Pin điện động cơ	Vật tư, phụ tùng	Bộ Pin điện động cơ
Đến 3 năm	0%		0%	25%
Từ trên 3 năm đến 6 năm	15%	30%	25%	40%
Từ trên 6 năm đến 10 năm	25%	40%	35%	50%
Từ trên 10 năm đến 15 năm	35%	50%	45%	60%
Từ trên 15 năm	45%	60%	55%	70%

Các loại xe chuyên dùng, xe tải được tính theo đối tượng xe KDVT.

Đối với các loại xe buýt / xe kinh doanh vận tải hành khách chạy tuyến cố định / nội tỉnh/ liên tỉnh, xe cho thuê tự lái, xe taxi, tỷ lệ khấu hao sẽ được tính như sau:

- *Xe sử dụng đến 3 năm*: vật tư, phụ tùng khác 15%, bộ pin điện động cơ của ô tô điện 25%.
- *Xe sử dụng từ trên 3 năm*: tính bằng 150% tỷ lệ khấu hao tương ứng với số năm sử dụng nêu trên của nhóm xe KDVT.

Trong trường hợp Cơ sở sửa chữa, Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe và Bảo hiểm PVI cùng nhau thống nhất và xác định được các hạng mục thay thế không sử dụng phụ tùng mới mà sử dụng phụ tùng cũ tương đương với phụ tùng bị hư hỏng thì Bảo hiểm PVI không tính khấu hao phụ tùng thay thế.

- ii. Đối với trường hợp xe có tham gia Điều khoản bảo hiểm bổ sung không tính khấu hao phụ tùng, vật tư thay mới, Bảo hiểm PVI sẽ không tính khấu hao các vật tư / phụ tùng bị tổn thất khi phải thay mới (không bao gồm các vật tư, phụ tùng phải thay thế định kỳ như săm, lốp, gas của hệ thống điều hòa nhiệt độ, nước làm mát, dầu bôi trơn, bạt thùng xe, ắc quy, pin các loại, tem nhãn mác, các loại lọc như lọc gió, lọc xăng, lọc dầu, chổi gạt mưa,...)
 - iii. Trong mọi trường hợp, Bảo hiểm PVI sẽ tính khấu hao các vật tư, phụ tùng dưới đây bị tổn thất khi phải thay mới:
 - Tổn thất đối với gas của hệ thống điều hòa nhiệt độ, nước mát, dầu bôi trơn, ắc quy, bạt thùng xe, các loại lọc như lọc gió, lọc xăng, lọc dầu,... sẽ áp dụng tỷ lệ khấu hao 30% đối với năm sử dụng đầu tiên (từ năm đăng ký lần đầu) và 50% đối với tất cả các năm tiếp theo.
 - Tổn thất đối với săm, lốp, tem nhãn mác sẽ được xác định tỷ lệ khấu hao tại thời điểm giám định với sự thống nhất của Bảo hiểm PVI với Chủ xe / Người được bảo hiểm / Lái xe nhưng tỷ lệ khấu hao tối thiểu là 30%.
 - iv. Bảo hiểm PVI không tính khấu hao đối với các phụ tùng hư hỏng là kính, mặt gương.
- d. Bảo hiểm PVI bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm và theo nguyên tắc tính bồi thường quy định tại mục 15.1.b Điều 15 Quy tắc này.
- 15.2. Bồi thường tổn thất toàn bộ:
- a. Bảo hiểm PVI bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thị trường của xe hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị thị trường của xe tại thời điểm trước khi xảy ra tổn thất.
 - b. Bảo hiểm PVI có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp khi có kết luận của cơ quan công an hoặc quyết định đình chỉ điều tra / đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.
 - c. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá trị thực tế của xe tương đương trước khi xảy ra tổn thất và không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên HDBH / GCNBH.
- 15.3. Thu hồi tài sản sau bồi thường:
- Khi Bảo hiểm PVI đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe bị thiệt hại đó thuộc quyền sở hữu của Bảo hiểm PVI. Chủ xe có nghĩa vụ tiến hành các thủ tục theo yêu cầu của Bảo hiểm PVI nhằm đảm bảo chuyển giao quyền sở hữu cho Bảo hiểm PVI, cụ thể như sau:
- i. Đối với trường hợp bồi thường thay thế bộ phận, Bảo hiểm PVI sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).
 - ii. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi Bảo hiểm PVI đã giải quyết bồi thường thì toàn bộ chiếc xe bị tổn thất sẽ thuộc sở hữu của Bảo hiểm PVI. Trường hợp xe tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì Bảo hiểm PVI thu hồi phần giá trị tương ứng theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Chủ xe / Người được bảo hiểm có đề nghị nhận lại chiếc xe bị tổn thất, Bảo hiểm PVI sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi thanh lý chiếc xe bị tổn thất theo định giá của Bảo hiểm PVI hoặc cơ quan chức năng do Bảo hiểm PVI chỉ định.
 - iii. Đối với trường hợp đã giải quyết bồi thường cho xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe thì Bảo hiểm PVI được quyền sở hữu chiếc xe đó.

Điều 16: Mức khấu trừ (Mức miễn thường có khấu trừ) áp dụng đối với tổn thất vật chất xe

- 16.1. Bảo hiểm PVI áp dụng mức khấu trừ tối thiểu là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/vụ tổn thất không phân biệt xe KDVT hoặc Không KDVT (không bao gồm các trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ; bồi thường tổn thất theo điều khoản bổ sung đã áp dụng mức khấu trừ riêng).
- 16.2. Trường hợp Chủ xe / Bên mua bảo hiểm yêu cầu tham gia bảo hiểm tăng mức khấu trừ cao hơn mức khấu trừ tối thiểu quy định tại Khoản 16.1 trên đây, Bảo hiểm PVI sẽ giảm tỷ lệ phí bảo hiểm tương ứng với mức khấu trừ tăng thêm.

Điều 17: Giảm trừ bồi thường

17.1. Bảo hiểm PVI sẽ giảm trừ bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

- a. Giảm trừ từ 05% đến 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
- Chủ xe không gửi Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (bằng văn bản) cho Bảo hiểm PVI trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đã được Bảo hiểm PVI giám định thiệt hại trong thời gian này hoặc đã thông báo cho Bảo hiểm PVI theo số điện thoại Hotline ngay thời điểm xảy ra tai nạn).
 - Chủ xe / Lái xe không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất trừ trường hợp di chuyển để đảm bảo an toàn cho người và/hoặc tài sản, hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng, không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất, không thông báo ngay cho Bảo hiểm PVI hoặc không thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bảo hiểm PVI.
- b. Giảm trừ từ 10% đến 25% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
- Chủ xe / Lái xe tự ý di chuyển khỏi hiện trường (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền).
 - Chủ xe / Lái xe tự ý tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo hiểm PVI (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).
 - Điều khiển xe ô tô vượt quá tốc độ cho phép và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định vượt quá từ 20% đến 50%;
- c. Xe chở quá trọng tải, quá số lượng người (từ trên 20% đến 50%) theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Bảo hiểm PVI sẽ giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ phần trăm (%) chở quá trọng tải / quá số người (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi).
- d. Giảm trừ đến 90% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
- Chủ xe / Lái xe không tạo điều kiện cho Bảo hiểm PVI trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.
 - Lái xe không tạo điều kiện / không chấp hành yêu cầu của cơ quan chức năng để xác định nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở hoặc kiểm tra việc sử dụng các chất kích thích bị cấm theo quy định.

- e. Giảm trừ từ 50% đến toàn bộ số tiền bồi thường tùy theo mức độ vi phạm của Chủ xe / Lái xe trong các trường hợp sau:
- Chủ xe / Lái xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho Bảo hiểm PVI kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba không theo hướng dẫn hoặc khi chưa có ý kiến của Bảo hiểm PVI.
 - Chủ xe / Lái xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.
- f. Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:
- Chủ xe / Bên mua bảo hiểm kê khai GYCBH / thông tin xe trên HĐBH sai (không đúng mục đích sử dụng của xe hoặc đã thay đổi mục đích sử dụng tại thời điểm xảy ra tổn thất) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định.
 - Chủ xe / Bên mua bảo hiểm không thông báo cho Bảo hiểm PVI trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe...).

17.2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường.

Khi Chủ xe bị giảm trừ số tiền bồi thường đồng thời theo nhiều mức khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, Bảo hiểm PVI sẽ áp dụng mức giảm trừ số tiền bồi thường có tỷ lệ cao nhất (không áp dụng nguyên tắc này cho mục 17.1.f Điều này).

Chương III

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN TRÊN XE Ô TÔ

Điều 18: Phạm vi bảo hiểm

Trách nhiệm của Chủ xe phải bồi thường cho chủ hàng về những tổn thất hàng hóa vận chuyển trên xe theo quy định của Bộ luật Dân sự trong trường hợp xe bị đâm, va, lật, đổ, rơi, chìm, cháy, nổ; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào, mất cắp / mất cướp toàn bộ xe; những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên như bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần.

Ngoài ra, Bảo hiểm PVI còn thanh toán cho Chủ xe các chi phí cần thiết và hợp lý nhằm:

- Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất cho hàng hoá;
- Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hoá trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn;
- Giám định tổn thất thuộc trách nhiệm của Bảo hiểm PVI.

Bảo hiểm PVI mở rộng phạm vi bồi thường trong trường hợp hàng hoá của chính Chủ xe bị tổn thất.

Điều 19: Loại trừ bảo hiểm

Bảo hiểm PVI sẽ không bồi thường cho trách nhiệm của Chủ xe đối với những tổn thất hay thiệt hại vật chất của hàng hóa chuyên chở trên xe trong các trường hợp:

1. Thuộc các điểm loại trừ chung quy định tại Điều 11 - Chương I Quy tắc này.
2. Lái xe / Chủ xe / Đại diện hợp pháp của Chủ xe không trông coi, bảo quản hàng hoá.

3. Mất cắp, bị cướp nhưng loại trừ trường hợp tổn thất hay thiệt hại đối với hàng hoá do xe bị mất cắp hay bị cướp toàn bộ xe.
4. Tổn thất hàng hoá do xe bị bắt giữ hay trưng dụng của cơ quan chức năng có thẩm quyền.
5. Tổn thất hàng hoá phát sinh không do nguyên nhân quy định tại Điều 18 xảy ra đối với xe.
6. Tại thời điểm xảy ra tổn thất, xe chở quá trọng tải được quy định ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
7. Hàng hoá hư hỏng tự nhiên, hư hỏng do không đủ phẩm chất, do bao bì đóng gói không đúng quy cách, hàng hóa được xếp không đúng yêu cầu kỹ thuật.
8. Giao hàng chậm trễ, giao không đúng người nhận, giao thiếu hoặc sai loại, sai quy cách, sai ký mã hiệu.
9. Hàng hóa bị tổn thất do bị xô, lệch, va, đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do xe bị đâm, va, lật, đổ, rơi, chìm.
10. Hàng hóa bị cháy không phải do lỗi của bên vận tải; Súc vật sống bị chết do thời tiết hoặc dịch bệnh.
11. Tổn thất hay thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt (trừ khi có thoả thuận khác).

Điều 20: Mức khấu trừ (tổn thất hàng hóa)

Áp dụng Mức khấu trừ 5% số tiền bồi thường hoặc 3.000.000 đồng cho mỗi vụ tổn thất, tùy thuộc số nào lớn hơn.

Điều 21: Giá trị hàng hóa

Giá trị hàng hóa được tính tại thời điểm, địa điểm trước khi đưa hàng lên xe và không vượt quá giá trị thực tế trên thị trường ở nơi đưa hàng lên xe tại thời điểm đó.

Chương IV

BẢO HIỂM TAI NẠN CHO LÁI XE, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE Ô TÔ

Điều 22: Đối tượng được bảo hiểm

Thiệt hại thân thể đối với lái xe, phụ xe và những người được chở trên xe (Người được bảo hiểm).

Điều 23: Phạm vi bảo hiểm

Trừ những trường hợp thuộc điểm loại trừ theo quy định tại Điều 24 dưới đây, Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường cho trường hợp tử vong hay thương tật thân thể của Người được bảo hiểm do tai nạn bất ngờ khi đang ở trên xe hoặc đang lên, xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông.

Điều 24: Loại trừ bảo hiểm

Bảo hiểm PVI sẽ không bồi thường trong các trường hợp sau:

1. Người được bảo hiểm cố ý gây thiệt hại hoặc thực hiện các hành vi trái quy định

của pháp luật khi xe đang tham gia giao thông.

2. Người được bảo hiểm điều khiển xe nhưng không có giấy phép lái xe hợp lệ.
3. Người được bảo hiểm điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/ 100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/ 1 lít khí thở (tương đương 10.9 mmol/L); hoặc sử dụng các chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
4. Người được bảo hiểm bị tử vong hoặc thương tật thân thể do xe vận chuyển các loại hàng hóa trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển, xếp dỡ hàng gây ra.
5. Người được bảo hiểm bị tử vong hoặc thương tật thân thể do sử dụng xe để tập lái, tham gia hoạt động thể thao, đua xe (kể cả hợp pháp hoặc trái phép)...
6. Tai nạn ngoài lãnh thổ Việt Nam.
7. Xe không tự vận hành mà do một phương tiện khác kéo, đẩy dưới bất kỳ hình thức nào gây tử vong hoặc thương tật thân thể cho Người được bảo hiểm, trừ trường hợp xảy ra đối với Lái xe ô tô.

Điều 25: Mức trách nhiệm bảo hiểm

Mức trách nhiệm bảo hiểm (Số tiền bảo hiểm) được cấp theo yêu cầu của Người được bảo hiểm cho mỗi chỗ ngồi trên xe được tính trên cơ sở số chỗ ngồi theo thiết kế của xe hoặc theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ.

Điều 26: Quyền lợi bảo hiểm

- 26.1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị tử vong thuộc phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm PVI thanh toán (chi trả) toàn bộ Số tiền bảo hiểm ghi trên GCNBH / HĐBH.
- 26.2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể:
 - a. Số tiền bảo hiểm đến 100 triệu đồng/người/vụ: Bảo hiểm PVI chi trả bồi thường theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người trong bảo hiểm xe Ô tô ban hành cùng Quy tắc này.
 - b. Số tiền bảo hiểm trên 100 triệu đồng/người/vụ:
 - *Thương tật tạm thời*: Bảo hiểm PVI thanh toán chi phí y tế thực tế, hợp lý và chi phí bồi dưỡng (tối đa không vượt quá 0,1% Số tiền bảo hiểm/ngày/người bị thương trong thời gian điều trị thương tật) nhưng không vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định tại Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người trong bảo hiểm xe Ô tô ban hành cùng Quy tắc này.
 - *Thương tật vĩnh viễn*: Được bồi thường theo tỷ lệ trả tiền bảo hiểm quy định tại Bảng trả tiền bảo hiểm nói trên.
- 26.3. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế trên xe (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi) lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên GCNBH, thì mức trả tiền bảo hiểm sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số chỗ ngồi được bảo hiểm với số người thực tế trên xe.
Trẻ em dưới 7 tuổi được hưởng đầy đủ quyền lợi bảo hiểm như trên.

Chương V

BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE Ô TÔ

Điều 27: Đối tượng áp dụng

Chủ xe ô tô tham gia giao thông và hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tham gia bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự (TNDS) của Chủ xe cơ giới theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 28: Quyền lợi bảo hiểm

Trừ những trường hợp thuộc điểm loại trừ như quy định tại Điều 29 dưới đây, trên cơ sở Mức trách nhiệm (MTN) bảo hiểm tự nguyện TNDS Chủ xe đã lựa chọn tham gia, Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường phần chi phí thực tế Chủ xe đã bồi thường cho bên thứ ba **vượt quá** mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc TNDS của Chủ xe cơ giới do Bộ Tài chính quy định.

Điều 29: Loại trừ bảo hiểm

Bảo hiểm PVI sẽ không bồi thường trong các trường hợp sau:

1. Những vụ tổn thất thuộc điểm loại trừ chung quy định tại Điều 11 Quy tắc này.
2. Xe Ô tô không tham gia Bảo hiểm bắt buộc TNDS của Chủ xe cơ giới theo quy định của pháp luật.
3. Những vụ tổn thất thuộc điểm loại trừ bảo hiểm theo Quy định của pháp luật về bảo hiểm bắt buộc TNDS của Chủ xe cơ giới do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 30: Nguyên tắc bồi thường

- 30.1. **Bồi thường thiệt hại về người:** Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người trong bảo hiểm xe Ô tô ban hành cùng Quy tắc bảo hiểm hoặc theo chi phí thực tế và tương ứng với **mức độ lỗi (*)** của Chủ xe/ Lái xe, cụ thể như sau:

- a. Bồi thường theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người:

$$STBT = (\text{Tỷ lệ trả tiền} \times \text{MTN tự nguyện}) \times \text{Tỷ lệ lỗi} \leq \begin{array}{l} \text{Số tiền vượt quá quyền} \\ \text{lợi thuộc MTN bắt buộc} \\ \text{mà chủ xe đã bồi thường.} \end{array}$$

- b. Bồi thường theo chi phí thực tế:

Chi phí thực tế bao gồm: chi phí cấp cứu, chi phí viện phí, thuốc men, mất giảm thu nhập, trợ cấp bồi dưỡng, chi phí mai táng (trường hợp chết) v.v... Nhưng trong mọi trường hợp không được vượt quá tỷ lệ trả tiền quy định tại Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật về người trong bảo hiểm xe cơ giới và tương ứng với mức độ lỗi của Chủ xe / Lái xe trong vụ tai nạn.

$$STBT = \text{Chi phí thực tế} \times \text{Tỷ lệ lỗi} \leq \begin{array}{l} \text{Số tiền vượt quá quyền lợi thuộc MTN} \\ \text{bắt buộc mà chủ xe đã bồi thường.} \end{array}$$

- 30.2. **Bồi thường thiệt hại về tài sản:** Bảo hiểm PVI sẽ bồi thường phần trách nhiệm tăng

thêm nếu số tiền mà Chủ xe đã bồi thường cho bên thứ ba vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc TNDS về tài sản theo quy định của Bộ Tài chính. Số tiền bồi thường được tính trên cơ sở thiệt hại thực tế và **mức độ lỗi (*)** của Chủ xe / Lái xe nhưng không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm đối với tài sản đã lựa chọn tham gia.

Trường hợp Xe được bảo hiểm theo nhiều Hợp đồng bảo hiểm, ngoài việc tính theo quy định trên còn áp dụng theo Điều 8 Quy tắc này.

(*): **Mức độ lỗi** của Chủ xe / Lái xe được xác định trên cơ sở hồ sơ của cơ quan chức năng có thẩm quyền và các tài liệu liên quan. Bảo hiểm PVI sẽ xem xét quyết định số tiền bồi thường trên cơ sở mức độ lỗi của Chủ xe / Lái xe.



Phạm Anh Đức

